

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 1 NĂM 2017**

HẢI PHÒNG - NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI - VP HẢI PHÒNG

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110,591,372,675	112,131,441,358
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8,254,887,979	7,685,876,385
1. Tiền	111		1,254,887,979	1,685,876,385
2. Các khoản tương đương tiền	112		7,000,000,000	6,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		325,400,000	325,400,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.1	967,760,500	967,760,500
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2.1	(642,360,500)	(642,360,500)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.2	0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		100,748,565,873	102,987,019,181
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4,991,522,803	7,364,523,256
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		471,800,000	493,800,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		91,487,920,038	93,738,860,923
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	3,818,674,612	1,411,186,582
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(21,351,580)	(21,351,580)
IV. Hàng tồn kho	140		479,860,603	443,189,059
1. Hàng tồn kho	141	V.6	479,860,603	443,189,059
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		782,658,220	689,956,733
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	233,801,453	189,956,733
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		548,856,767	500,000,000
4. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46,871,382,239	47,693,025,080
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
2. Phải thu dài hạn khác	216			
II. Tài sản cố định	220	V.13	15,675,289,924	16,241,059,371
1. Tài sản cố định hữu hình	221		15,675,289,924	16,241,059,371
- Nguyên giá	222		41,587,186,218	41,587,186,218
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25,911,896,294)	(25,346,126,847)
2. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8,270,749,251	8,270,749,251
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	8,270,749,251	8,270,749,251
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		17,994,721,833	17,994,721,833
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2.3	5,400,000,000	5,400,000,000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.3	33,594,424,002	33,594,424,002
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2.3	(20,999,702,169)	(20,999,702,169)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4,930,621,231	5,186,494,625
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	4,930,621,231	5,063,897,510
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			122,597,115
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		157,462,754,914	159,824,466,438

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		5,147,663,750	6,271,862,851
I. Nợ ngắn hạn	310		5,147,663,750	6,271,862,851
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	1,956,938,037	1,944,447,497
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	72,954,543	377,355,287
4. Phải trả người lao động	314			140,822,485
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		158,671,581	180,000,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	2,959,099,589	3,629,237,582
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
II. Nợ dài hạn	330		0	0
1. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
2. Doanh thu chưa thực hiện	338			0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		152,315,091,164	153,552,603,587
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	152,315,091,164	153,552,603,587
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90,000,000,000	90,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20,000,000,000	20,000,000,000
3. Cổ phiếu quỹ	415		-20,000	-20,000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		16,439,056,399	16,439,056,399
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25,876,054,765	27,113,567,188
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25,838,365,188	40,372,821,572
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		37,689,577	-13,259,254,384
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		157,462,754,914	159,824,466,438

Hải phòng, ngày 28 tháng 4 năm 2017

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Thu Hà

Đạm Anh Dũng

Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay Q1/2017	Năm trước Q1/2016	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	7,295,438,579	10,697,905,949	7,295,438,579	10,697,905,949
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	VI.1	7,295,438,579	10,697,905,949	7,295,438,579	10,697,905,949
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	6,237,842,363	7,846,009,685	6,237,842,363	7,846,009,685
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1,057,596,216	2,851,896,264	1,057,596,216	2,851,896,264
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	707,475,237	41,989,441	707,475,237	41,989,441
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12,053,986	680,362	12,053,986	680,362
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5			0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,432,154,542	1,209,986,781	1,432,154,542	1,209,986,781
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (24+25)]	30		320,862,925	1,683,218,562	320,862,925	1,683,218,562
11. Thu nhập khác	31	VI.7			0	0
12. Chi phí khác	32	VI.8		487,000	0	487,000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 -32)	40		0	-487,000	0	-487,000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		320,862,925	1,682,731,562	320,862,925	1,682,731,562
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		283,173,348	1,037,654,867	283,173,348	1,037,654,867
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 -51 -52)	60		37,689,577	645,076,695	37,689,577	645,076,695
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9			4	72

Hải phòng, ngày 28 tháng 4 năm 2017

Lập biểu

Bùi Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Đặng Anh Dũng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI**Văn phòng Công ty****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)**

Quy 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

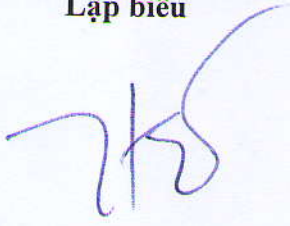
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2017	Quý 1/2016
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		9,833,871,880	11,060,174,332
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(5,571,628,679)	(6,729,641,226)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4,062,861,000)	(4,546,859,000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			(2,800,000,000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4,806,786,196	8,081,228,404
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4,658,820,188)	(3,749,971,913)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		347,348,209	1,314,930,597
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	24			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		720,168,729	70,660,816
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		720,168,729	70,660,816
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(500,000,000)	(1,765,391,010)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(500,000,000)	(1,765,391,010)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 40+ 30 + 20)	50		567,516,938	(379,799,597)

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7,685,876,385	8,368,839,234
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối-đoái quy đổi ngoại tệ	61		1,494,656	8,726,041
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		8,254,887,979	7,997,765,678

Hải phòng, ngày 25 tháng 4 năm 2017

Lập biểu



Bùi Thị Thu Hà

Kế toán trưởng



Đâu Anh Dũng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI – VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng báo cáo tài chính đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và dịch vụ
3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê kho, bãi, văn phòng; kinh doanh nhà; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Đóng tàu, cấu kiện nổi; Đại lý, môi giới, đấu giá; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng khác; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Cho thuê xe có động cơ; Sản xuất xe có động cơ; bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bốc xếp hàng hoá.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- Chi nhánh Công ty cổ phần Phát triển hàng hải tại TP. Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty cổ phần Phát triển hàng hải tại tỉnh Quảng Ninh;
- Chi nhánh Công ty cổ phần Phát triển hàng hải tại TP. Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty cổ phần Phát triển hàng hải tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”) được dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI – VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính này được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện .

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam; Ảnh hưởng (nếu có) do việc chuyển đổi báo cáo tài chính từ đồng ngoại tệ sang đồng Việt Nam.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các nghiệp vụ kinh tế phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh: Bao gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) có thể bao gồm cả công cụ tài chính không được chứng khoán hóa như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi... nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI – VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo, như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác.

c. Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

Công ty liên kết là Công ty mà Công ty mẹ ảnh hưởng đáng kể mà không phải hình thức Công ty con hay công ty liên doanh (Thông thường là các công ty mà công ty mẹ sở hữu từ 20 đến 50% quyền biểu quyết)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận phát sinh từ các khoản đầu tư này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở thông báo phân phối lợi nhuận từ các công ty này.

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

f. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc mức dự kiến tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm Chi phí mua, chế biến và các chi phí khác nếu có để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI – VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	03 – 07

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thi công mặt bằng bãi container, và các chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí thuê đất trả trước một lần cho nhiều năm được phân bổ theo thời hạn thuê đất.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện giá gốc trên báo cáo tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của cổ đông

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI – VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Thăng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu tài chính: Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ và được hạch toán trong kỳ báo cáo đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán và thuế, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI – VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối quý	Đầu năm
Tiền mặt	194.752.429	160.680.056
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.060.135.550	1.525.196.329
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	7.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	8.254.887.979	7.685.876.385

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1. Chứng khoán kinh doanh

	Cuối quý	Đầu năm
Chứng khoán kinh doanh	967.760.500	967.760.500
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-642.360.500	-642.360.500
Cộng	325.400.000	325.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI – VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên kết	5.400.000.000		5.400.000.000	
Công ty CP dịch vụ hàng hải Hải Âu (*)	5.400.000.000	0	5.400.000.000	0
Đầu tư vào đơn vị khác	33.594.424.002	-20.999.702.169	33.594.424.002	-20.999.702.169
Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines	33.594.424.002	-20.999.702.169	33.594.424.002	-20.999.702.169

(*) Công ty góp vốn vào Công ty CP dịch vụ hàng hải Hải Âu với tỷ lệ vốn góp là 24.11% vốn điều lệ.

(*) Công ty góp vốn vào Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines với tỷ lệ vốn góp là 11.35% vốn điều lệ.

3. Phải thu khách hàng

	Cuối quý	Đầu năm
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	4.991.522.803	7.364.523.256
- Công ty TNHH khai thác container Việt nam	862.354.980	1.148.940.490
- Công ty TNHH MTV Gemadept Hải phòng	727.193.600	726.961.200
- Triton Pte(s) Ltd	103.894.546	1.440.350.881
- Các khách hàng khác	3.298.079.677	4.048.270.685
b. Các khoản phải thu khách hàng dài hạn		

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI – VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

4. Phải thu khác

	Cuối quý	Đầu năm
a. Ngắn hạn	3.910.901.845	1.411.186.582
Tạm ứng	526.604.578	366.050.641
Tạm ứng vật tư	176.431.544	176.431.544
Phải thu người lao động	2.351.794.591	115.259.992
Các khoản chi hộ	70.777.500	83.561.244
Phải thu tiền lãi	0	18.055.556
Các khoản phải thu khác	785.293.632	651.827.605
b. Dài hạn		

5. Nợ xấu

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	21.351.580		21.351.580	
Cty TNHH TMDV hàng hóa VN	10.938.720		10.938.720	
Cty CP quốc tế Chiến Thắng	5.462.860		5.462.860	
Cty TNHH Maersk Việt nam	4.950.000		4.950.000	
Các khách hàng khác				

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI – VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

6. Hàng tồn kho

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	258.725.497		201.946.962	
Hàng hóa	221.135.106		241.242.097	
Cộng	479.860.603		443.189.059	

7. Tài sản dở dang dài hạn

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn				
Cộng				
b. Xây dựng cơ bản dở dang				
Bãi container Đình Vũ	122.545.455		122.545.455	
Văn phòng làm việc phía Nam	8.148.203.796		8.148.203.796	
Cộng	8.270.749.251		8.270.749.251	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI – VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	22.171.870.064	6.911.397.929	12.066.231.863	52.231.818	385.454.544	41.587.186.218
Mua trong năm						
Thanh lý, nhượng bán						
Giảm khác						
Số cuối kỳ	22.171.870.064	6.911.397.929	12.066.231.863	52.231.818	385.454.544	41.587.186.218
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	11.784.902.679	6.911.397.929	6.270.548.981	52.231.818	327.045.440	25.346.126.847
Khấu hao trong năm	202.996.659		333.568.244	0	29.204.544	565.769.447
Thanh lý, nhượng bán						
Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	11.987.899.338	6.911.397.929	6.604.117.225	52.231.818	356.249.984	25.911.896.294
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	10.386.967.385	0	5.795.682.882	0	58.409.104	16.241.059.371
Số cuối năm	10.183.970.726		5.462.114.638		29.204.560	15.675.289.924

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI – VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

9. Chi phí trả trước

	Cuối quý	Đầu năm
a. Ngắn hạn	233.801.453	189.956.733
Bảo hiểm xe		105.288.000
Phí đường bộ		84.668.733
b. Dài hạn	4.930.621.231	5.063.897.510
Giá trị quyền sử dụng đất (*)	4.454.018.062	4.476.898.301
Sửa chữa bãi Chùa Vẽ	461.680.208	586.999.209

(*) là tiền thuê đất trả trước một lần tại số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng. Diện tích 376,7 m², thời gian thuê đất là 50 năm.

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	Cuối quý	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:	184.412.006	122.597.115
Giá trị thuế của các khoản lỗ tính thuế trong năm		

11. Phải trả người bán

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty xăng dầu khu vực 3 – TNHH MTV	1.956.938.037	1.956.938.037	1.944.447.497	1.944.447.497
Công ty TNHH khai thác container Việt Nam	742.780.666	742.780.666	399.114.320	399.114.320
Cty TNHH PT TM Đức Phát	98.906.667	98.906.667	319.018.667	319.018.667
Khác	187.722.000	187.722.000	448.084.000	448.084.000
b. Phải trả người bán dài hạn	927.528.704	927.528.704	778.230.510	778.230.510

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI – VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp	Số cuối năm
a. Phải nộp	377.355.287	2.631.992.962	2.936.393.706	72.954.543
Thuế GTGT hàng bán nội địa	340.847.339	2.036.166.970	2.307.986.993	69.027.316
Thuế GTGT hàng nhập khẩu				
Thuế xuất, nhập khẩu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
Thuế thu nhập cá nhân	36.507.948	201.258.992	233.839.713	3.927.227
Thuế đất, tiền thuê đất		390.567.000	390.567.000	0
Các loại thuế khác		4.000.000	4.000.000	
b. Phải thu	500.000.000	0	209.433.000	548.856.767
Thuế thu nhập doanh nghiệp	500.000.000	160.576.233		339.423.767
Thuế đất, tiền thuê đất			209.433.000	209.433.000

13. Phải trả khác

	Cuối quý	Đầu năm
a. Ngắn hạn	2.959.099.589	3.629.237.582
Kinh phí công đoàn	180.099.573	145.237.566
Tiền cổ tức phải trả cho VNL	2.754.000.000	3.254.000.000
Thù lao HĐQT và BKS	0	230.000.000
Phải trả, phải nộp khác	25.000.016	16
b. Dài hạn		

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI – VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

14. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	11.860.285.499	43.433.746.602	165.294.012.101
Lỗ thuần trong năm					-13.259.254.384	-13.259.254.384
Lợi nhuận chuyển về từ các Chi nhánh					13.798.416.360	13.798.416.360
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển				4.515.537.433	-4.515.537.433	0
Phân bổ vào quỹ phúc lợi, BDH					-1.543.806.357	-1.543.806.357
Chi cổ tức năm 2015					-10.799.997.600	-10.799.997.600
Khác				63.233.467		63.233.467
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	16.439.056.399	27.113.567.188	153.552.603.587
Lãi trong năm nay					37.689.577	37.689.577
Khác					-1.275.202.000	-1.275.202.000
Số dư cuối kỳ này	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	16.439.056.399	25.876.054.765	152.315.091.164

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI – VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

b. Chi tiết đầu tư của Vốn chủ sở hữu

	Cuối quý	Đầu năm
Vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	45.900.000.000	45.900.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	44.100.000.000	44.100.000.000
Cộng	90.000.000.000	90.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	0	10.799.997.600

d. Cổ phiếu

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.000.000</i>	<i>9.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2	2
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2</i>	<i>2</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.999.998	8.999.998
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.999.998</i>	<i>8.999.998</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ		
Cộng	8.999.998	8.999.998

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Q1/2017	Q1/2016
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hoá	2.630.070.608	2.241.925.963
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.665.367.971	8.455.979.986
Cộng	7.295.438.579	10.697.905.949

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI – VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

3. Giá vốn hàng bán

	Q1/2017	Q1/2016
Giá vốn hàng hoá đã bán	2.469.457.876	2.211.439.706
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.768.384.487	5.634.569.979
Cộng	6.237.842.363	7.846.009.685

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Q1/2017	Q1/2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	54.113.173	32.583.038
Cổ tức, lợi nhuận được chia	648.000.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.369.129	9.406.403
Cộng	707.482.302	41.989.441

5. Chi phí tài chính

	Q1/2017	Q1/2016
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.053.986	680.362
Cộng	12.053.986	680.362

6. Thu nhập khác

Q1/2017 Q1/2016

7. Chi phí khác

	Q1/2017	Q1/2016
Các khoản khác		487.000
Cộng		487.000

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Q1/2017	Q1/2016
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	1.432.154.542	1.209.986.781
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.432.154.542	1.209.986.781

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI – VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Q1/2017	Q1/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	607.333.644	610.006.101
Chi phí nhân công	1.026.058.305	2.612.290.922
Chi phí khấu hao tài sản cố định	557.357.273	673.131.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.047.093.141	3.950.581.155
Cộng	6.237.842.363	7.846.009.685

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	0	1.037.654.867
Lợi ích thuế thu nhập DN hoãn lại	-65.427.415	0

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai;
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng;
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ;
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
3. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty là Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty mẹ

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty và Tổng công ty Hàng hải Việt Nam như sau:

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Năm nay	Năm trước
Chi cổ tức năm	0	5.508.000.000
Cộng	0	5.508.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI – VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

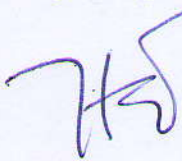
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, công nợ với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam như sau:

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Cuối quý	Đầu năm
Cổ tức phải trả	2.754.000.000	3.254.000.000

4. Những thông tin khác :

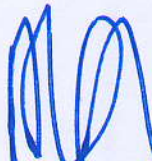
Hải Phòng, ngày 28 tháng 4 năm 2017

Người lập biểu



Bùi Thị Thu Hà

Kế toán trưởng



Đậu Anh Dũng

Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Dũng